TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS - PT
Ngày 05 - 3 - 2021
"V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phượng

Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải

Ông Hồ Văn Luông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 04, 05 tháng 3 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 167/2020/TLPT - DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2020/DS - ST, ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2021/QĐPT - DS ngày 08 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim E, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn*:

2.1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1948 (Có mặt).

2.2. Ông Bùi Văn B, sinh năm 1970 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ngân hàng G.

Trụ sở: phường N, quận V, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện hợp pháp (theo văn bản ủy quyền số 2965/QĐ – NHN_oPC ngày 27/12/2019): Ông Võ Thanh H – chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện C. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3.2. Ông Bùi Văn S, sinh năm 1976 (Có mặt).

3.3. Bà Thái Thị Y, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

3.4. Bà Lê Thị Kiều L, sinh năm 1980 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp O, xã H, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

4.2. Ông Trương Văn K, sinh năm 1950 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã Q, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Huỳnh Kim E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Huỳnh Kim E trình bày: Vào năm 2019 nguyên đơn có nhận chuyển nhượng đất của ông Trương Văn K, khi nhận chuyển nhượng không có nói diện tích là Bo nhiêu, chỉ nhận chuyển nhượng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có đo đạc thực tế có bà Nguyễn Thị H ra chỉ giáp ranh. Bà Nguyễn Thị H thừa nhận có lấn đất bà Huỳnh Kim E, bà H đồng ý trả cho bà Huỳnh Kim E 9.000.000 đồng đối với căn nhà xây kiên cố, còn căn nhà dưới đồng ý tháo dỡ nhà trả lại đất

cho bà Huỳnh Kim E. Giá trị khi nhận chuyển nhượng đất của ông Trương Văn K là 230.000.000 đồng, nguyên đơn đã trả cho ông Trương Văn K 210.00.000 đồng, số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là của bà Huỳnh Kim E nhờ bà Huỳnh Thị B nhận chuyển nhượng giùm. Bà Huỳnh Kim E đã ở trên đất từ lúc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà E có làm hàng rào lưới B40 xung quanh phần đất, thời gian làm hàng rào vào năm 2019. Lúc bà Huỳnh Kim E nhận chuyển nhượng đất đã có căn nhà của bà Nguyễn Thị H. Phần tranh chấp đường nước với ông Bùi Văn B là do ông Trương Văn K cho đi nhờ, nay phần đất này được bà Huỳnh Kim E mua của ông Trương Văn K. Bà Huỳnh Kim E yêu cầu bà Nguyễn Thị H tháo dỡ nhà trên và nhà sau trả lại diện tích đất như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà Huỳnh Kim E. Yêu cầu ông Bùi Văn B trả lại đất mương đã lấn chiếm dài hết mương như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà Huỳnh Kim E.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Bùi Văn H1 là cha chồng của bà Nguyễn Thị H (chết năm 1940) và bà Huỳnh Thị Đ đã chết. Chồng sau của bà Đ là ông Trương Văn Q (chết năm 2012) cho bà Nguyễn Thị H diện tích đất 5600m^2. Năm 1975, chồng bà Nguyễn Thị H là ông Bùi Văn T chết, được chôn ngay tại nền căn nhà kiên cố của bà Nguyễn Thị H như hiện nay. Sau đó bà Nguyễn Thị H di dời hài cốt của ông Bùi Văn T đi và cất nhà kiên cố vào ngày 20/4/2014 (âm lịch). Lúc bà Nguyễn Thị H cất nhà thì ông Trương Văn K không có tranh chấp gì với bà Nguyễn Thị H. Phần đất này giữa bà Nguyễn Thị H và bà Huỳnh Kim E đã có trụ ranh được cặm trước khi ông Trương Văn K chuyển nhượng đất cho bà Huỳnh Kim E. Bà Nguyễn Thị H đã ở trên đất này từ năm 1975 đến nay, phần đất tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đường nước là bà Nguyễn Thị H mua của ông Trương Văn Q, lúc đó ông Trương Văn Qcòn sống. Bà H mua với giá 2,2 cây vàng đã giao đủ cho ông Trương Văn Q là cha của ông Trương Văn K vào ngày 26/6/2003 (âm lịch). Sau khi ông Trương Văn Q chết thì ông Trương Văn K cũng không có ý kiến gì về phần đường nước này. Diện tích bờ và đường nước bà Nguyễn Thị H đã sử dụng từ năm 1975, khi mua đất vào năm 2003 có làm giấy tay. Từ năm 2003 bà Nguyễn Thị H cho ông Bùi Văn B sử dụng đường nước này. Lúc ông Trương Văn K chuyển nhượng đất cho bà Huỳnh Kim E, bà Nguyễn Thị H có ra chỉ ranh là các trụ đá. Bà Nguyễn Thị H không đồng ý với yêu cầu của bà Huỳnh Kim E.

Bị đơn ông Bùi Văn B trình bày: Phần đất tranh chấp là đường nước ông Bùi Văn B sử dụng vào năm 2003, trước đó bà Nguyễn Thị H sử dụng và cho lại ông Bùi Văn B vào năm 2003, phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Bùi Văn H1 sau đó ông Trương Văn Q sử dụng, khi ông Bùi Văn B sử dụng thì ông Trương Văn K không có tranh chấp gì. Ông Bùi Văn B không đồng ý với yêu cầu của bà Huỳnh Kim E.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn S trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông nội của ông là ông Bùi Văn H1, sau khi ông H chết thì ông nội sau là ông Trương Văn Q và bà nội là bà Huỳnh Thị Đ sử dụng sau đó cho lại bà H vào năm 1975 và bà H sử dụng cho tới nay. Căn nhà kiên cố trên đất là của bà Nguyễn Thị H cất vào năm 2014, K xây dựng nhà thì ông Trương Văn K không có ngăn cản gì. Ông Trương Văn K chuyển nhượng đất cho bà Huỳnh Kim E có nhờ bà Nguyễn Thị H ra chỉ giáp ranh theo các cây trụ ranh đã cặm lâu nên không nhớ năm nào. Ông Bùi Văn S không đồng ý với yêu cầu của bà Huỳnh Kim E.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Y đồng ý với ý kiến của ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kiều L đồng ý với ý kiến của ông Bùi Văn B.

Người làm chứng bà Huỳnh Thị B đồng ý với ý kiến của bà Huỳnh Kim E yêu cầu giải quyết theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Huỳnh Kim E.

Người làm chứng ông Trương Văn K trình bày: Phần đất tranh chấp bà Nguyễn Thị H đã sử dụng từ năm 1975 đến nay kể cả phần ông Bùi Văn B sử dụng do tự lấn chiếm. Ông K không có sang bán chuyển nhượng là phần đất tranh chấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn B, sử dụng là từ thời ông Trương Văn Qvà bà Huỳnh Thị Đ còn sống đến khi ông Trương Văn K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất không có tranh chấp với ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị H. Khi chuyển nhượng đất cho bà Huỳnh Kim E là có nhà của bà Nguyễn Thị H trên phần đất tranh chấp.

Ngân hàng A có đại diện là ông Võ Thanh H không có yêu cầu gì và xin xét xử vắng mặt Ngân hàng trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2020/DS - ST, ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

2. Công nhận cho bị đơn Nguyễn Thị H phần đất tại vị trí số IV diện tích 334.5m^2, thửa đất số 133, tờ bản đồ số 09 theo mảnh trích đo địa chính số 65 – 2020 ngày 20/7/2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng HĐ chi nhánh Hậu Giang, vị trí đất tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang (có hồ sơ kỹ thuật kèm theo).

3. Công nhận cho bị đơn Bùi Văn B phần đất tại vị trí số V diện tích 98.9m^2 thửa đất số 133, tờ bản đồ số 09 theo mảnh trích đo địa chính số 65 – 2020 ngày 20/7/2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng HĐ chi nhánh Hậu Giang, vị trí đất tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang (có hồ sơ kỹ thuật kèm theo).

3. Bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn B được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được công nhận. Bà Huỳnh Kim E có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN039566 số vào sổ CH00800 cấp ngày 29/10/2014 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai xác nhận biến động vào ngày 30/8/2019 khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 07/10/2020 nguyên đơn bà Huỳnh Kim E kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H tháo dỡ nhà trước và nhà sau trả cho bà phần đất lấn chiếm diện tích 334,5m^2 và buộc bị đơn ông Bùi Văn B trả cho bà phần đất con mương diện tích 98,9m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhận định nguồn gốc đất tranh chấp giữa nguyên đơn bà Huỳnh Kim E và bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Văn B

là đất của cha mẹ chồng của vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn T. Bà H đã sử dụng đất ổn định, công khai, liên tục từ năm 1975 cho đến nay đã trên 30 năm. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 236 của Bộ luật Dân sự năm 2015 công nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn B. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Dành quyền khởi kiện cho nguyên đơn bà Huỳnh Kim E với ông Trương Văn K thành một vụ án khác nếu có phát sinh tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau K nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

Nguyên đơn bà Huỳnh Kim E khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H dỡ nhà trước và nhà sau trả lại diện tích đất khoảng 400m^2 tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 09, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 039586 số vào sổ CH 00802 cấp ngày 29/10/2014; Buộc bị đơn ông Bùi Văn B trả lại diện tích đất khoảng 100m^2 là con mương thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ số 09, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 039566, số vào sổ CH 00800 cấp ngày 29/10/2014 vị trí đất tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất là đúng với quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2020, nguyên đơn bà Huỳnh Kim E có đơn kháng cáo đúng qui định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Kim E, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, buộc bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn B trả lại phần đất đã lấn chiếm của bà đã được Ủy Ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà vào ngày 30/8/2019.

[3.1] Về nguồn gốc đất

Phần đất tranh chấp là của cha chồng bà Nguyễn Thị H là ông Bùi Văn H1 (đã chết năm 1940). Sau khi ông Bùi Văn H1 chết, bà Huỳnh Thị Đ (đã chết năm 2012) có chồng khác là ông Trương Văn Q (đã chết năm 2007). Ông Trương Văn Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 04/10/1995, thửa đất số 553 tờ bản đồ số 08 diện tích đất 2.587m^2 đất loại đất T-LNK. Sau khi ông Trương Văn Q chết, ông Trương Văn K được thừa kế diện tích 300m^2 đất thổ cư tại thửa cũ 553 (thửa mới 128); Diện tích 2.332,9m^2 loại đất LNK tại thửa cũ 553 (thửa mới 133).

Ngày 30/5/2019 ông Trương Văn K chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất tại 02 thửa đất 133 và thửa 128, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông K đã được nhận thừa kế cho bà Huỳnh Kim E, hai bên không tiến hành đo đạc diện tích thực tế tại 02 thửa đất có diện tích là bao nhiêu. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Kim E xác nhận vào thời điểm bà và ông Trương Văn K tiến hành giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trương Văn K thế chấp tại Ngân hàng để vay tiền.

[3.2] Theo Mảnh trích đo địa chính số 65 ngày 20/7/2020 của Công ty TNHH Thiết kế xây dựng HĐ, tại vị trí số (IV) diện tích 334,5m^2 là vị trí nhà trước, nhà sau và một phần đất của bà Nguyễn Thị H; vị trí số (V) diện tích 98,9m^2 do ông Bùi Văn B sử dụng. Ông Bùi Văn T chồng của bà Nguyễn Thị H chết vào năm 1975, gia đình đã chôn cất ông ngay tại vị trí căn nhà hiện tại. Ngày 20/4/2014 (âm lịch) bà H di dời phần mộ của ông Bùi Văn T để xây dựng nhà kiên cố, ông K không có ý kiến gì phản đối và không phát sinh tranh chấp. Việc bà H đã sử dụng phần đất đang tranh chấp ổn định từ năm 1975 đến nay, đã được các hộ dân sử dụng đất giáp ranh, chính quyền địa phương và ông Trương Thanh V xác nhận (Các bút lục số 54, 232, 233 và 234). Ông Trương Thanh V (em ruột của ông K) xác định khi bà Đ, ông Q còn sống đã cho đất ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị H từ năm 1975. Lúc ông Trương Văn K chuyển nhượng đất cho bà Huỳnh Kim E không được đo đạc thực tế mà chuyển toàn bộ quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận. Đối với bị đơn ông Bùi Văn B sử dụng phần đất tranh chấp vị trí số (V) diện tích 98,9m^2, năm 2003 bà H có làm giấy tay mua phần đường nước này của ông Trương Văn Q với giá 2,2 cây vàng sau đó bà H cho ông B sử dụng. Thời điểm bà H sử dụng, đến khi cho lại phần đất cho ông B thì các bên không phát sinh tranh chấp.

[3.3] Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tại Công văn số 4895/UBND ngày 24/8/2020 của UBND huyện C, tỉnh Hậu Giang, xác định "*Việc cấp giấy chứng nhận cho nguyên đơn là đúng về trình tự, thủ tục theo quy định"*.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã sử dụng phần đất tranh chấp ổn định, công khai, liên tục từ năm 1975 cho đến nay, không phát sinh tranh chấp. Đến năm 1995 Ủy Bn nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Trương Văn Q (cha ruột của ông Trương Văn K), luôn cả phần đất bà Nguyễn Thị H đang sử dụng, là hoàn toàn trái với quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993. Đến năm 2007 ông Trương Văn Qc chết, các anh em ruột của ông Trương Văn K đã làm thủ tục từ chối nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của ông Q, để cho ông K được hưởng thừa kế toàn bộ quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Trương Văn K xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29 tháng 10 năm 2014. Đến năm 2019 ông Trương Văn K chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Kim E, thì bà Nguyễn Thị H vẫn công khai sử dụng đất không có phát sinh tranh chấp giữa ông Trương Văn K và bà Nguyễn Thị H. Như vậy, việc sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H ổn định trước ngày 01/7/2004, không có các giấy tờ về đất đai theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013, nhưng Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất luôn cả diện tích đất bà H đang sử dụng cho ông K và bà E là trái với quy định của Luật đất đai năm 2013. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào quy định tại Điều 236 của Bộ luật Dân sự năm 2015 ổn định diện tích tranh chấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn B là đúng quy định pháp luật.

[3.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Kim E xác định thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Trương Văn K là toàn bộ 02 thửa đất. Khi nhận đất không đủ diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà E biết bà H, ông B đang sử dụng nhưng bà chưa khiếu nại hay yêu cầu ông K trả đủ diện tích đất đã chuyển nhượng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết dành quyền khởi kiện cho nguyên đơn bà Huỳnh Kim E với ông Trương Văn K thành một vụ án khác nếu có phát sinh tranh chấp.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Kim E.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm nguyên đơn bà Huỳnh Kim E phải chịu, do kháng cáo của bà không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Kim E, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Kim E.

1.1. Công nhận cho bị đơn bà Nguyễn Thị H phần đất tại vị trí số (IV) diện tích 334.5m^2, thửa đất số 133, tờ bản đồ số 09 theo mảnh trích đo địa chính số 65 - 2020 ngày 20/7/2020 của công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng HĐ chi nhánh Hậu Giang, vị trí đất tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang (có hồ sơ kỹ thuật kèm theo).

1.2. Công nhận cho bị đơn ông Bùi Văn B phần đất tại vị trí số (V) diện tích 98.9m^2, thửa đất số 133, tờ bản đồ số 09 theo mảnh trích đo địa chính số 65 -2020 ngày 20/7/2020 của công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng HĐ chi nhánh Hậu Giang, vị trí đất tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang (có hồ sơ kỹ thuật kèm theo).

1.3. Bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn B được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được công nhận. Bà Huỳnh Kim E có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN039566 số vào sổ CH00800 cấp ngày 29/10/2014 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận biến động vào ngày 30/8/2019 khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

2. Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn bà Huỳnh Kim E phải chịu 300.000 đồng (B trăm ngàn đồng) chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003952 ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C – Hậu Giang thành án phí.

Nguyên đơn bà Huỳnh Kim E phải chịu chi phí thẩm định và định giá và chi phí tố tụng khác 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), nguyên đơn Huỳnh Kim E được nhận lại 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) tại Tòa án nhân dân huyện C, nguyên đơn đã nhận xong.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Huỳnh Kim E phải chịu 300.000 đồng (B trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền 300.000 đồng (B trăm nghìn đồng) bà E đã tạm nộp theo biên lai thu số 0004218 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang thành án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 05/3/2021.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. C;
- Chi cục THADS H. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phượng